

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN PHƯỚC
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2018/DSST**

Ngày 12/7/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất;
quyền sở hữu tài sản; yêu cầu bồi
thường thiệt hại tài sản...

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sơn Cước

Ông Nguyễn Văn Khánh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Tấn Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2017/TLDS - ST, ngày 17/10/2017, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp quyền sở hữu tài sản; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu; yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST- DS ngày 17/4/2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Võ Đức H, sinh năm 1963, cư trú tại thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Thanh T-Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: Số N, đường Châu Văn Liêm, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Cao Anh T, sinh năm 1955, cư trú tại thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, cư trú tại thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Văn T, cư trú tại thôn V, xã B, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Ông Cao Văn T, ông Trương Bá P, ông Nguyễn Đăng A, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thành N, bà Cao Thị T, bà Cao Thị Kim L, ông Cao Văn T, cùng cư trú tại thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Trương Bá P, có mặt, còn lại đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Võ Đức H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông có diện tích đất vườn khoảng 4000 m², trong đó có 300 m² đất ở mua lại của ông Nguyễn Văn K từ năm 1986 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng ông đã trồng cây, chăn nuôi bò trên diện tích đất nói trên và sử dụng ổn định không có ai tranh chấp, được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận vào năm 2003 khi ông vay vốn phát triển kinh tế vườn. Bà Phùng Thị T (*Chết năm 2005*) không có con cái nên bà T đến ở chung với vợ chồng ông, mặc dù bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 754 m² đất thổ cư nhưng thực tế diện tích đất này là vợ chồng ông sử dụng, canh tác trên đất đó.

Năm 2012, ông mở đường trên đất của mình để khai thác Keo và đến tháng 6/2017, ông khai thác Keo thì ông Cao Anh T ngăn cản không cho xe chở Keo đã khai thác đi bán làm hư hỏng Keo trị giá 20.000.000 đồng và hư hỏng một xe củ trị giá 6.000.000 đồng. Ông Cao Anh T cho rằng ông đã khai thác cây cối trên diện tích đất 754 m² của bà Phùng Thị T là bà con trong tộc họ của ông T, hiện nay bà T đã chết.

Hành vi của ông T xâm phạm quyền lợi của ông và gây thiệt hại cho ông. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cao Anh T chấm dứt hành vi cản trở việc khai thác vận chuyển Keo thuộc sở hữu của ông và bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền 26.000.000 đồng. Công nhận diện tích đất tranh chấp 754 m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông rút lại yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông nội dung cụ thể như sau: Buộc ông Cao Anh T chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sở hữu, khai thác, vận chuyển cây cối trên diện tích đất 2177,3 m²; công nhận quyền sở hữu cây cối trên diện tích đất 2177,3 m² là của ông và yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền theo kết quả định giá.

Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn ông Cao Anh T trình bày:

Bà Phùng Thị T là dâu trong tộc họ Cao, chồng bà là ông Cao T (*Chết năm 1986*) trước đây là trưởng tộc Cao. Bà T và ông T không có con cái nên có thời gian bà T ở chung với gia đình ông H. Năm 1995, bà T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư là 754 m². Năm 2005, bà T chết để lại diện tích đất này cho tộc Cao và một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012, tộc họ Cao họp và giao cho ông là trưởng tộc họ phải có trách nhiệm quản lý diện tích đất và lo

thờ cúng ông bà. Năm 2012, ông H cắt cây trên đất của bà T để bán, ông ngăn cản nên xảy ra tranh chấp và ông H khởi kiện ra Tòa án. Sau đó, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước hoà giải, ông H đồng ý trả cho ông số tiền 4.500.000 đồng.

Năm 2016, ông H tiếp tục bán cây trên đất của bà T, ông đã báo cáo với chính quyền địa phương giải quyết, yêu cầu các bên không được khai thác tài sản trên đất. Tháng 6/2017, ông H khai thác Keo và vận chuyển qua đất của bà T nhưng chưa được sự đồng ý của ông nên ông không cho lái xe chở Keo cho ông H. Vì đây là đất của bà T, hiện nay thuộc quyền sử dụng của tộc họ Cao không phải là đất của ông H nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H và không bổ sung gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 169, 221,, 584, 589 Bộ luật Dân sự:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa ông Võ Đức H và ông Cao Anh T.

Buộc ông Cao Anh T chấm dứt hành vi cản trở việc khai thác, vận chuyển cây cối trên diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định là 2177,3 m²; công nhận quyền sở hữu cây cối trên diện tích đất 2177,3 m² là của vợ chồng ông Võ Đức H. Buộc ông Cao Anh T bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Võ Đức H các loại cây gỗ, Keo và củi đã khai thác bị hư hỏng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 1990, ông H lập gia đình và sinh sống theo nơi cư trú của vợ là bà Nguyễn Thị H tại thôn 6, xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước. Năm 1995, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1660 m². Ngoài ra, ông H còn canh tác, sử dụng diện tích đất vườn hơn 2000 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Bà Phùng Thị T có chồng là ông Cao T sinh sống gần nhà ông H. Năm 1995, bà Phùng Thị T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 754 m². Mặc dù bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thời gian này bà T ở chung với gia đình ông H nên ông H là người canh tác, sử dụng, cải tạo trồng cây trên toàn bộ diện tích đất. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2017 của Toà án thì diện tích đất ông T và ông H tranh chấp là 2177,3 m² nhưng không xác định được vị trí, diện tích đất 754 m² đã cấp cho bà T. Sau khi thẩm định, Toà án đã có công văn đề nghị UBND huyện Tiên Phước cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phùng Thị T. Tại Công văn số 231/UBND-TH ngày 28/02/2018 của UBND huyện T xác định diện tích đất 754 m² đã cấp cho bà T không nằm trong diện tích 2177,3 m².

[2.3] Như vậy, hiện nay không xác định vị trí, mốc giới diện tích đất của bà T và thực tế ông T có hành vi cản trở thực hiện quyền sở hữu tài sản chứ không tranh chấp chiếm dụng đất nên ông H rút lại yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất. Vì vậy, Toà án đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

[2.4] Về quyền sở hữu tài sản trên đất:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất có các loại cây gỗ đã khai thác cưa thành từng khúc, các loại cây còn sống và vật kiến trúc của ông H tạo lập trên diện tích đất 2177,3 m².

Theo lời khai của ông T và những người sinh sống gần nhà ông H thì các loại cây có trên đất tranh chấp là cây tự mọc không có ai chăm sóc, quản lý, còn cây Mít là của bà T trồng. Về cây cối trên đất, ông H cũng thừa nhận cây lấy gỗ và củi mà ông đã khai thác là cây tự mọc. Tuy nhiên, việc những người sinh sống gần nhà ông H cho rằng cây cối tự mọc trên đất bỏ hoang, không ai chăm sóc, quản lý là không khách quan, không đúng với thực tế. Ngược lại ông H, bà H là người sử dụng, canh tác trên diện tích đất này. Điều đó thể hiện qua việc ông H, bà H làm hồ sơ vay vốn phát triển kinh tế vườn, có xác nhận của chính quyền địa phương vào năm 2003. Trên thực tế ông H trồng cây, nuôi bò (*Làm chuồng bò, trụ rom trên đất*), khai thác cây, mở đường để vận chuyển Keo đi bán và đã xảy ra tranh chấp với ông T vào năm 2012.

Đối với các loại cây tự mọc, ông H là người chiếm hữu, canh tác, sử dụng đất và có công chăm sóc, quản lý, không có tranh chấp nên ông H được quyền sở hữu là hợp pháp. Đối với 62 cây Keo trên diện tích đất 2177,3 m² là của ông H trồng, ông T thừa nhận, các vật kiến trúc là trụ rom, chuồng bò là của ông H làm nên đương nhiên thuộc quyền sở hữu của ông H.

Như vậy, các loại tài sản trên diện tích đất 2177,3 m² thuộc quyền sở hữu của ông H, bà H là phù hợp, có căn cứ. Riêng cây Mít hiện nay không thể xác định được là do ai trồng nên không có cơ sở công nhận quyền sở hữu của ông H. Điều này cũng phù hợp với thực tế, vì vào năm 2012, khi ông H và ông T xảy ra tranh chấp,

chính quyền địa phương kiểm tra, khu vực tranh chấp thể hiện trên đất chỉ có 01 cây Mít, 01 cây đu đủ và 03 bụi chuối.

Vì vậy, công nhận quyền sở hữu và giao cho ông Võ Đức H, bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu các loại tài sản sau:

**Các loại cây đã khai thác (cưa thành từng khúc):*

-Cây Song Man: 01 khúc dài 10,3 mét, vanh 1 mét (Chu vi), 01 khúc dài 2,6 mét, vanh 1,1 mét, 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 1 mét, 01 khúc dài 1,8 mét, vanh 0,9 mét, 01 khúc dài 3,9 mét, vanh 0,55 mét, 01 khúc dài 3,1 mét, vanh 0,65 mét.

-Cây Thầu Dầu (Xoan): 01 khúc dài 3,4 mét, vanh 0,85 mét (Chu vi), 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 0,8 mét, 12 khúc dài 1,4 mét, vanh 0,5 mét, 03 khúc dài 2,7 mét, vanh 0,7 mét, 11 khúc dài 2,5 mét, vanh 0,5 mét, 03 (Ba) khối củi.

**Các loại cây còn sống trên đất:*

-01 cây Cau chưa có quả, 02 cây Dâu Đất đã có quả, 01 cây Quế đường kính lớn hơn 11 cm, 06 cây Dó đường kính nhỏ hơn 10 cm, 04 cây Thầu Dầu (Xoan) đường kính từ 10 -15 cm, 02 cây Dầu Trầy đã có quả, 01 cây Bòng đã có quả.

(Các tài sản nói trên có trên diện tích đất 2177,3 m² thuộc tờ bản đồ số 01, thôn 6, xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).

[2.5] Về hành vi cản trở quyền sở hữu:

Ông T cho rằng bà T để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông được mọi người trong tộc họ cử ông đại diện quản lý đất của bà T. Tuy nhiên, trên thực tế ông T không canh tác, sử dụng diện tích đất nào của bà T. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất ông T cản trở ông H thực hiện quyền sở hữu là 2177,3 m² chứ không chỉ có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là 754 m². Theo công văn cung cấp thông tin của UBND huyện T thì diện tích đất 754 m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T không nằm trong diện tích 2177,3 m² ông H đang sử dụng. Như vậy, diện tích đất của bà T được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở vị trí khác hiện nay chưa xác định được nên ông T chỉ dựa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cản trở thực hiện quyền sở hữu của ông H là không đúng pháp luật. Hơn nữa ông Cao Anh T không phải là hàng thừa kế theo pháp luật của bà Phùng Thị T, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T cũng không có văn bản uỷ quyền cho ông T canh tác, sử dụng đất. Ông T cung cấp văn bản họp tộc họ thể hiện người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T sẽ uỷ quyền cho ông T nhưng chưa có văn bản uỷ quyền hợp pháp. Như vậy, việc ông Cao Anh T cản trở ông H thực hiện quyền sở hữu tài sản trên diện tích đất 2177,3 m² là không có căn cứ, trái pháp luật.

Vì vậy, buộc ông Cao Anh T chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của ông H, bà H trên diện tích đất 2177,3 m² ; chấm dứt hành vi cản trở thực hiện việc khai thác, vận chuyển tài sản đi qua diện tích đất 2177,3 m² thuộc tờ bản đồ số 01, thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[2.6] Về hành vi gây thiệt hại:

Ông T thừa nhận là có hành vi cản trở không cho ông H vận chuyển gỗ và củi đã khai thác trên diện tích đất 2177,3 m². Đồng thời cản trở không cho xe chở Keo và củi là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông H, số Keo và củi này ông H đã khai thác cưa thành từng khúc nằm ngoài diện tích đất 2177,3 m². Mặc dù ông T cho rằng không biết và không liên quan đến số gỗ Keo và củi này. Tuy nhiên, theo lời khai của người làm chứng và biên bản ghi nhận vụ việc ngày 23/8/2017 của Công an xã T thể hiện hành vi ngăn cản của ông T không cho xe vào vận chuyển nên ông H không bán được tài sản, gây thiệt hại cho ông H, bà Hồng.

Như vậy, hành vi cản trở của ông T có lỗi trong việc gây thiệt hại cho ông H, bà Hồng. Vì vậy, ông T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông H, bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về thiệt hại thực tế xảy ra: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì số cây gỗ và củi bị thiệt hại gồm có:

- Cây Song Man: 01 khúc dài 10,3 mét, vanh 1 mét (Chu vi), 01 khúc dài 2,6 mét, vanh 1,1 mét, 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 1 mét, 01 khúc dài 1,8 mét, vanh 0,9 mét, 01 khúc dài 3,9 mét, vanh 0,55 mét, 01 khúc dài 3,1 mét, vanh 0,65 mét. Tổng khối lượng 1,67 m³, đơn giá 2.500.000 đồng/m³, giá trị sử dụng còn lại là 60%, thiệt hại 40%.

Giá trị bị thiệt hại: 1,67 m³ x 2.500.000 đồng x 40% = 1.670.000 đồng

- Cây Thầu Dầu (Xoan): 01 khúc dài 3,4 mét, vanh 0,85 mét (Chu vi), 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 0,8 mét, 12 khúc dài 1,4 mét, vanh 0,5 mét, 03 khúc dài 2,7 mét, vanh 0,7 mét, 11 khúc dài 2,5 mét, vanh 0,5 mét. Tổng khối lượng 1,59 m³, đơn giá 5.500.000 đồng/m³, giá trị sử dụng còn lại là 60%, thiệt hại 40%.

Giá trị bị thiệt hại: 1,59 m³ x 5.500.000 đồng x 40% = 3.498.000 đồng

- Giá trị thiệt hại: 04 khối củi x 280.000 đồng/khối = 1.120.000 đồng.

- 410 khúc gỗ Keo, trung bình mỗi khúc 35 kg, tổng khối lượng 14,356 tấn, đơn giá 780.000 đồng/tấn, không còn giá trị sử dụng, thiệt hại 100%.

Giá trị thiệt hại: 14,356 tấn x 780.000 đồng/tấn = 11.198.000 đồng

Tổng cộng giá trị thiệt hại là 17.486.000 đồng. Buộc ông Cao Anh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Võ Đức H, bà Nguyễn Thị H với số tiền là 17.486.000 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

[2.7] Về án phí và chi phí tố tụng khác: ông Cao Anh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) về “Tranh chấp quyền sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu” và 874.300 đồng (*Tám trăm bảy mươi bốn ngàn ba trăm đồng*) về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản”. Tổng cộng ông Cao Anh T phải chịu 1.174.300 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Đức H tự nguyện chịu 4.897.259 đồng (*Bốn triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi chín đồng*) tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản và ông H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 169, 170, 221, 222, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa ông Võ Đức H và ông Cao Anh T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức H về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu; yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản” cụ thể như sau:

Công nhận quyền sở hữu và giao cho ông Võ Đức H, bà Nguyễn Thị H được quyền sở hữu các loại tài sản sau:

-Các loại cây đã khai thác (*Cưa thành từng khúc*):

Cây Song Man: 01 khúc dài 10,3 mét, vanh 1 mét (Chu vi), 01 khúc dài 2,6 mét, vanh 1,1 mét, 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 1 mét, 01 khúc dài 1,8 mét, vanh 0,9 mét, 01 khúc dài 3,9 mét, vanh 0,55 mét, 01 khúc dài 3,1 mét, vanh 0,65 mét.

Cây Thầu Dầu (Xoan): 01 khúc dài 3,4 mét, vanh 0,85 mét (Chu vi), 01 khúc dài 3,7 mét, vanh 0,8 mét, 12 khúc dài 1,4 mét, vanh 0,5 mét, 03 khúc dài 2,7 mét, vanh 0,7 mét, 11 khúc dài 2,5 mét, vanh 0,5 mét, 03 khối củi.

-Các loại cây còn sống trên đất:

01 cây Cau chưa có quả, 02 cây Dâu Đất đã có quả, 01 cây Quế đường kính lớn hơn 11 cm, 06 cây Dó đường kính nhỏ hơn 10 cm, 04 cây Thầu Dầu (Xoan) đường kính từ 10 -15 cm, 02 cây Dầu Trầy đã có quả, 01 cây Bòng đã có quả.

(Các tài sản nói trên có trên diện tích đất 2177,3 m² thuộc tờ bản đồ số 01, thôn 6, xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Cao Anh T chấm dứt hành vi cản trở ông Võ Đức H và bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của ông H, bà Hồng trên diện tích đất 2177,3 m²; chấm dứt hành vi cản trở việc khai thác vận, chuyển tài sản đi qua diện tích đất 2177,3 m² thuộc tờ bản đồ số 01, thôn 6, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Buộc ông Cao Anh T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Võ Đức H, bà Nguyễn Thị H với số tiền là 17.486.000 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Võ Đức H, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng ông Cao Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Cao Anh T phải chịu 1.174.300 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Đức H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 950.000 đồng (*Chín trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0018523 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/7/2018), nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiên Phước
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- Chi cục THA h. Tiên Phước
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành